

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1514/SGDDĐT-KHTC ngày 23/10/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Thẩm quyền ban hành

Điểm b, khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”. Căn cứ quy định trên, việc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết: “*Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với các nội dung có trong dự thảo Nghị quyết và quy định của pháp luật.

2.2. Đối tượng áp dụng

a) Theo dự kiến tại điểm a, khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đối tượng áp dụng là: “*Trẻ em học tại các cơ sở giáo dục Mầm non công lập; học sinh học tại các trường Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập*”. Sở Tư pháp nhận thấy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo đã phân nào bao hàm đối tượng được quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết. Vì vậy, để đảm bảo tính bao quát, ngắn gọn,

theo quan điểm của Sở Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo nên xem xét, loại bỏ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 và biên tập lại điểm b khoản 2 Điều 1 như sau⁽¹⁾:

“a) Các cơ sở giáo dục mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập);

b) Người học trong các cơ sở giáo dục công lập quy định tại điểm a khoản này và các tổ chức cá nhân khác có liên quan”.

b) Theo dự kiến tại điểm c khoản 2 Điều 1 dự thảo, các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường quy định trong dự thảo Nghị quyết không áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy, điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập quy định về giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước: *“Riêng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ giáo dục, đào tạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở giáo dục, đào tạo của Nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về giá”*. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại đối tượng dự kiến không áp dụng các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được dự kiến tại điểm c khoản 2 Điều 1 dự thảo, đồng thời đề nghị Sở Tài chính (*cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về giá*) có ý kiến đối với việc áp dụng các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đối với các cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết trong hệ thống pháp luật

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với văn bản có giá trị pháp lý cao hơn, cơ bản thống nhất với các quy định khác do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại đối tượng áp dụng với lý do đã được trình bày tại mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Phân căn cứ pháp lý để ban hành đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, bổ sung các căn cứ sau: *“Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập”*. Bên cạnh đó, Nghị quyết dự kiến có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, vì vậy, đề

¹ Tách điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo thành 02 điểm.

ng nghị bổ sung căn cứ là: “*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020*”.

3.3. Để đảm bảo tính thống nhất trong dự thảo Nghị quyết và nội dung văn bản được đầy đủ, rõ ràng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại tên tiêu đề của các khoản trong Điều 2 dự thảo như sau:

“1. *Các khoản thu, mức thu tối đa dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức trần*

...

2. *Các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức trần*

...”.

3.4. Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung: “*Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học do địa phương quản lý*” để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm c, khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019.

3.5. Dự kiến Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Việc Sở Giáo dục và Đào tạo dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp các cơ quan có liên quan theo dõi việc ký ban hành Nghị quyết để đảm bảo thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành⁽²⁾.

3.6. Đề nghị loại bỏ quy định sau tại khoản 1 Điều 3 dự thảo vì không cần thiết: “*Khi cần sửa đổi Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định*”.

3.7. Đối với các khoản thu cụ thể⁽³⁾, mức thu tối đa của các khoản thu quy định tại Phụ lục kèm theo dự thảo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn tại địa phương để xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định đối với các khoản thu cụ thể, mức thu tối đa của các khoản thu quy định tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết*)

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết có một số nội dung chưa được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 16. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp) (của Phụ lục I ban hành

² Theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⁽³⁾ Theo quan điểm của cơ quan thẩm định, có thể xem xét để bổ sung một số khoản thu cụ thể như: Xe đưa đón học sinh, nhà ở ký túc xá, đồng phục...

kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các quy định nêu trên để trình bày đúng, cụ thể:

4.1. Trình bày khoản theo đúng quy định tại điểm d, khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

4.2. Bố cục của dự thảo văn bản được cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến thành Chương, Điều, Khoản, điểm. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tuân thủ đúng quy định này khi trình bày tại Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết (*thứ tự các điểm trong mỗi Khoản dùng các chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt, sau có dấu đóng ngoặc đơn, bằng chữ in thường, cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng*).

4.3. Phần nơi nhận của văn bản, đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết⁽⁴⁾; phối hợp tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Tuy nhiên, qua theo dõi, Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết chưa hết thời hạn lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản⁽⁵⁾; vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổng hợp các ý kiến tham gia, hoàn chỉnh dự thảo trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (*đối với ý kiến tham gia không được tiếp thu, đề nghị giải trình*).

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hồ*

⁽⁴⁾ Công văn số 1474/SGDĐT-KHTC ngày 15/10/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

⁽⁵⁾ Ngày 15/11/2020.

trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum” ./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&TDTHPL/STP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vương Văn Tuyên